

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2025 – 2026

Áp dụng từ ngày 15/9/2025

I. CÁC LỚP THUỘC BỘ MÔN NGOẠI NGỮ.

		16DTA1	16DTA2	17DNNA1	17DNNA2
2	S			Dẫn luận ngôn ngữ Anh T. Châu-4t P A1 – Cơ sở 2	
	C	Cú pháp học T. Bảo-4t P 23-KHXH	Tiếng Anh thương mại C. Thảo-4t P 19-KHXH	Dẫn luận đất nước học Anh T. Nghĩa-4t P B1-CS2	
3	S				Nghe nói C1.2 C. Ý-4t P A3-CS2
	C	Biên dịch T. Châu-4t P 20-KHXH	Cú pháp học T. Út-4t P 22-KHXH	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam C. Kiều-4t GD8, CS2	
4	S	Tiếng Anh thương mại C. Thảo-4t P 20-KHXH		Viết C1.2 C. An-4t P A3-CS2	Dẫn luận ngôn ngữ Anh T. Châu-4t P A1 – Cơ sở 2
	C			Nghe nói C1.2 C. Út-4t P A2-CS2	Viết C1.2 C. Huyền-4t Phòng A3-CS2
5	S	Ngữ nghĩa học T. Út-4t P A1 – Cơ sở 2	Ngữ nghĩa học C.Loan-4t P 19-KHXH		
	C	Tiếng Anh báo chí C. Út - 4t P 20-KHXH	Biên dịch T. Châu-4t P 19-KHXH	Độc hiểu C1.2 C. Oanh-4t P B4-CS2	

6	S		Tiếng Anh báo chí T. Châu-4t P 22-KHXXH		
	C			Phương pháp NCKH T. Dân-4t P A3- Cơ sở 2	Dẫn luận đất nước học Anh C. Sang – 4t P B6-CS2
7	S	Tiếng Anh du lịch T. Thái – 4t P A2- CS2 (Học từ tháng 10, ngày cụ thể sẽ TB)		Phương pháp NCKH T. Dân-4t P A1- Cơ sở 2	Độc hiểu C1.2 T. Trung-4t P 18- KHXXH
	C		Tiếng Anh du lịch T. Thái – 4t P 20-KHXXH (Học từ tháng 10, ngày cụ thể sẽ TB)		Phương pháp NCKH T. Dân-4t P 23- KHXXH

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2025 – 2026

Áp dụng từ ngày 15/9/2025

I. CÁC LỚP THUỘC BỘ MÔN NGOẠI NGỮ

		18DNNA - Nhóm 1	18DNNA – Nhóm 2	18DNNA –Nhóm 3	18DNNA1	18DNNA2	19DNNA1	19DNNA2	19DNNA3
2	S	Viết B2.2 T. Út-4t P A3 – CS2	Tiếng Pháp căn bản 2 T. Thoại-4t P 23-KHXXH	Tiếng Pháp căn bản 2 T. Tòng P 22-KHXXH			Viết B1 C. Loan-4t P 19-KHXXH	Ngữ pháp cơ bản T.Trung-4t P 18-KHXXH	ĐK & C. Lông C. Thu – 4t Sân Cơ sở 2
	C	Tiếng Pháp căn bản 2 T. Tòng P A2 – CS2	Viết B2.2 T. Út-4t P A3 – CS2				Độc hiểu B1 C. An-3t P 22-KHXXH	Ngữ âm thực hành cơ bản C. Tú-4t P 18-KHXXH	Tin học CB Khoa KTCN-4t P B6-CS2 (Chưa học tuần 01, sẽ TB sau)
3	S	Nghe-Nói B2.2 C Út-4t P 22-KHXXH	Độc hiểu B2.2 C. Huyền-4t P A2 – CS2				ĐK & Vovinam T. Mai – 4t Sân Cơ sở 2	Nghe-Nói B1 C. Loan-4t P 19-KHXXH	Độc hiểu B1 C. Thảo-4t P 21-KHXXH
	C	Độc hiểu B2.2 T. Trung-4t P A2 – CS2		Viết B2.2 C. Tú-4t P A3-CS2			Tin học căn bản T. Trọng-4t P 23-KHXXH	Triết học Mác – Lênin T. Phương-4t P 21-KHXXH	Nghe-Nói B1 C. Huyền- 4t P 19-KHXXH
4	S			Nghe-Nói B2.2 C Út-4t P 19-KHXXH			ĐK & Vovinam T. Mai – 4t Sân Cơ sở 2		Viết B1 C. Huyền- 4t P 20-KHXXH
	C			Độc hiểu B2.2 T. Trung-4t			Tin học căn bản		Triết học Mác – Lênin

				GD7– CS2			T. Trọng-4t P 23-KHXH		T. Phương- 4t P 19-KHXH
5	S				Pháp luật đại cương C. Thêm-4t P A3-CS2	Kỹ năng giao tiếp C. Trân-4t P A2-CS2	Nghe-Nói B1 C. Tú-4t P. 23-KHXH	ĐK & Vovinam T. Mai – 4t Sân Cơ sở 2	
	C				Tiếng Việt thực hành C. Nương – 4t P A1 – Cơ sở 2	Pháp luật đại cương C. Thêm-4t P A2-CS2		Tin học căn bản T. Trọng-4t P 23-KHXH	
6	S		Nghe-Nói B2.2 C Tú-4t P 19-KHXH				Ngữ pháp cơ bản C. Oanh-4t P 20-KHXH	ĐK & Vovinam T. Mai – 4t Sân Cơ sở 2	Ngữ pháp cơ bản T.Trung-4t P 18-KHXH
	C						Ngữ âm thực hành cơ bản C. Ý-4t P 22-KHXH	Tin học căn bản T. Trọng-4t P 23-KHXH	Tin học CB Khoa KTCN-4t GD7-CS2
7	S				CNXH khoa học C. Lệ-4t P A3- CS2	Tiếng Việt thực hành C. Nương – 4t P 21 – KHXH	Triết học Mác – Lênin T. Phương-4t P 22 – KHXH	Viết B1 C. Loan-4t P 19-KHXH	Ngữ âm thực hành cơ bản C. Ý-4t P 23-KHXH
	C				Kỹ năng giao tiếp C. Trân-4t P 21 – KHXH	CNXH khoa học C. Lệ-4t P 18-KHXH		Độc hiểu B1 C. Thảo-4t P 22-KHXH	ĐK & C. Lông C. Thu – 4t Sân Cơ sở 2

Ghi chú: Học phần Tin học căn bản, lớp 19DNNA1,2, do Thầy Trọng giảng dạy, do Thầy đang bận công tác, Lớp trưởng liên hệ trực tiếp để biết lịch cụ thể của Thầy, linh động thực hiện cho phù hợp.

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2025 – 2026

Áp dụng từ ngày 15/9/2025

II. CÁC LỚP THUỘC BỘ MÔN VIỆT NAM HỌC

		16DNV	17DTVVHVN	18DTVVHVN1	18DTVVHVN2	19DTVVHVN1	19DTVVHVN2
2	S	Văn học Việt Nam hiện đại 2 (1975 - nay) C Vân-4t P 20-KHXH	Thực hành văn bản tiếng Việt C Nương-4t P A2- Cơ sở 2			Lịch sử VN ĐC T. Hiếu – 4t Phòng 21-KHXH	ĐK & Vovinam T. Mai – 4t Sân Cơ sở 2
	C	Phong cách học tiếng Việt T. Ngọc – 3t P 20-KHXH	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam C. Kiều-4t Phòng A1- CS2	Tiếng Anh căn bản 2 C. Huyền – 4t P B4-CS2		ĐK & Vovinam T. Mai – 4t Sân Cơ sở 2	Lịch sử VN ĐC T. Hiếu – 4t Phòng 21-KHXH
3	S	Văn hoá giao tiếp - ứng xử C. Trân – 4t Phòng 23-KHXH		Quản trị văn phòng C. Phương-4t GD7-CS2	Từ vựng TV T. Hoàng – 4t Phòng A1- CS2	Tin học căn bản T. Bảo-4t P 18-KHXH	Triết học Mác – Lênin T. Khang-4t P 20-KHXH
	C			Từ vựng TV T. Hoàng – 3t Phòng A1- CS2	Quản trị văn phòng C. Phương-4t GD7-CS2	Triết học Mác – Lênin T. Khang-4t P 18-KHXH	
4	S		Văn học Trung đại Việt Nam C Nương-4t P 18-KHXH	Môi trường và phát triển C Xuân-4t P A2– Cơ sở 2 (Dạy vào tháng 10, sẽ TB)		Tin học căn bản T. Bảo-4t P 23-KHXH	Cơ sở văn hóa Việt Nam C. Phương-4t P 21-KHXH
	C	Nghịệp vụ tổ chức sự kiện và lễ hội C. Trân – 4t Phòng 20-KHXH	Báo chí truyền thông đại cương T. Dũng-4t P.21-KHXH (chưa học tuần 01, sẽ TB)		Tổng quan du lịch T. Đua-4t Phòng A1-CS2		Ngôn ngữ học ĐC C. Đ Liên – 3t Phòng 18-KHXH (Bắt đầu học từ Tháng 10, sẽ TB)

5	S	Các tôn giáo trên TG&VN Cô Thu Trang – 4t Phòng 20-KHXH	Văn hoá ẩm thực Việt Nam C. Phương-4t GD7-CS2	CNXH khoa học Cô Thoảng – 4t Phòng 22-KHXH	Tiếng Anh căn bản 2 T. Nghĩa-4t P B5-CS2	Tâm lý học ĐC T. Công – 4t Phòng 21-KHXH	Tin học căn bản T. Bảo-4t P 18-KHXH
	C		Ngữ dụng học T. Ngọc – 4t P A3-CS2		CNXH khoa học Cô Thoảng – 4t P GD7-CS2	Cơ sở văn hóa Việt Nam C. Phương-4t P 18-KHXH	Tâm lý học ĐC T. Công – 4t Phòng 21-KHXH
6	S	NP chức năng C. Đ Liên – 4t Phòng A3-CS2 (Học từ tháng 10, sẽ có TB)	Văn hoá thế giới T. Đua-4t P A2-CS2	Văn học Trung đại Việt Nam C Nương-4t Phòng A1-CS2	Môi trường và phát triển C Xuân-4t GD7– Cơ sở 2 (Dạy vào tháng 10, sẽ TB)	Thống kê xã hội học T. Linh – 3t Phòng 21-KHXH	Tin học căn bản T. Bảo-4t P 23-KHXH
	C	Phong tục và lễ hội ở Việt Nam T. Hưng-4t Phòng 20-KHXH	Văn hoá Đông Nam Á C. Lưu Liên-4t P A2-CS2	Tổng quan du lịch T. Đua-4t Phòng A1-CS2	Văn học Trung đại Việt Nam C Nương-4t Phòng 19-KHXH	Ngôn ngữ học ĐC C. Đ Liên – 3t Phòng 18-KHXH	Thống kê XH học T. Minh – 3t Phòng 21-KHXH
7	S			Văn hóa các dân tộc Việt Nam T. Đua-4t P 20-KHXH		ĐK & Vovinam T. Mai – 4t Sân Cơ sở 2	
	C				Văn hóa các dân tộc Việt Nam T. Đua-4t P 19-KHXH		ĐK & Vovinam T. Mai – 4t Sân Cơ sở 2

Ghi chú: Tiếng Việt cho người nước ngoài – Trợ giảng TA Fulbright do TS Trương Thu Trang giảng dạy chiều thứ 5 hàng tuần, 2 tiết 2,3.

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2025 – 2026

Áp dụng từ ngày 15/9/2025

I. CÁC LỚP THUỘC KHOA KINH TẾ VÀ LUẬT

		17DKT1	17DKT2	17DQTKD1	17DQTKD2	17DTCNH	18DKT1	18DKT2	18DQTKD
2	S						Tiếng Anh căn bản 3-4t C. Oanh P.C07		
	C							Tiếng Anh căn bản 3-4t T. Trung P.C08	
3	S								Tiếng Anh căn bản 3-4t (Ghép 18DDL&LH) T. Bảo GD2
	C								
4	S	Anh văn CN- 4t C. Sang- P.C07							
	C		Anh văn CN- 4t C. Thảo GD1						
5	S			Lịch sử Đảng CSVN-4t (Ghép 17DQTKD2) T. Tiến Phước GD2	Lịch sử Đảng CSVN-4t (Ghép 17DQTKD1) T. Tiến Phước	Anh văn CN- 4t T. Bảo GD3			
	C					Lịch sử Đảng CSVN-4t T. Tiến Phước			

						GD3			
6	S						CNXH khoa học Cô Thoảng – 4t		
	C							CNXH khoa học Cô Thoảng – 4t	
7	S	Lịch sử Đảng CSVN-4t T. Tiến Phước- GD1							
	C		Lịch sử Đảng CSVN-4t T. Tiến Phước GD1						

		18DTCNH	18DQTKD + 18DQTDL&L H	19DQTKD1	19DQTKD2	19DKT1	19DKT2	19DTCNH1	19DTCNH2
2	S					Soạn thảo văn bản-4t C. Lưu Liên P.C01	Tiếng Anh căn bản 1- 4t C. Ý		
	C								
3	S					Tiếng anh căn bản 1- 4t C. Sang P.C01	Soạn thảo văn bản- 4t C. Lưu Liên		
	C	Tiếng Anh căn bản 3- 4t T. Nghĩa GD4							

4	S			Tiếng Anh căn bản 1-4t C. Loan P.C03	Kỹ Năng mềm- 4t C. Trân P.C04				
	C							Soạn thảo văn bản- 3t C. Phương P.C05	
5	S				Tiếng Anh căn bản 1-4t C. Oanh P.C04	Triết học MLN- 4t T. Khang P.C01			
	C						Triết học MLN- 4t T. Khang P.C02		
6	S				Triết học MLN- 4t T. Khang P.C04				Soạn thảo văn bản- 3t C. Phương P.C05
	C			Triết học MLN- 4t T. Khang P.C03				Tiếng Anh căn bản 1-4t C. Thảo	Tiếng Anh căn bản 1-4t T. Nam Trung
7	S		CNXH khoa học Cô Thoảng – 4t						Triết học MLN- 4t T. Khang
	C	CNXH khoa học Cô Thoảng – 4t						Triết học MLN- 4t T. Khang P.C05	

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2025 – 2026

Áp dụng từ ngày 15/9/2025

II. CÁC LỚP THUỘC KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

		17DCNPM	17DCNTT1	17DCNTT2	18DCNPM	18DCNTT1	18DCNTT2	19DCNPM	19DCNTT1	19DCNTT2
2	S									
	C									
3	S									
	C						Tiếng Anh căn bản 3 C. Loan-4t			
4	S							Tiếng Anh căn bản 1 C. Tú-4t		
	C		Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam C. Kiều-4t			Chủ nghĩa XHKH Cô Kiều Trang – 3t				
5	S								Triết học Mác – Lênin T. Hiệp-4t	
	C						Chủ nghĩa XHKH Cô Kiều Trang – 3t			Triết học Mác – Lênin T. Hiệp-4t
6	S				Chủ nghĩa XHKH	Tiếng Anh căn bản 3		Triết học		

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2025 – 2026

Áp dụng từ ngày 15/9/2025

II. CÁC LỚP THUỘC KHOA SỬ PHẠM

		17DGDTH1	17DGDTH2	17DGDTH3	18DGDTH1	18DGDTH2	18DGDTH3	18CGDMN
2	S	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam C. Kiều – 4t Phòng B1-KSP						
	C							
3	S		Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam C. Kiều – 4t Phòng B2-KSP			Tiếng Anh căn bản 2 C. An - 4T Phòng B5- KSP		
	C				Chủ nghĩa XHKH Cô Kiều Trang – 3t			
4	S			Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam C. Kiều – 4t Phòng B3-KSP 17DGDTH3		Chủ nghĩa XHKH Cô Kiều Trang – 3t		Tiếng Anh căn bản 2 C. Oanh-4t
	C							
5	S						Chủ nghĩa XHKH Cô Kiều Trang – 3t	
	C							

6	S						Tiếng Anh căn bản 2 T. Bảo - 4T Phòng B6- KSP	
	C				Tiếng Anh căn bản 2 C. An - 4T Phòng B4- KSP			
7	S							
	C							

		19DGDTH1	19DGDTH2	19DGDTH3	19DGDMN
2	S				Những nguyên lý CB của CN Mác – Lênin T. Phương - 4T GD8-KSP
	C				
3	S			Tiếng Việt thực hành C. Nương - 3T Phòng A6-KSP	
	C		Tiếng Việt thực hành C. Nương - 4T Phòng B8- KSP		
4	S				
	C	Tiếng Việt thực hành C. Nương - 3T Phòng B7-KSP			
5	S		Triết học Mác – Lênin T. Phương – 4T		

			Phòng B8- KSP		
	C	Triết học Mác – Lênin T. Phương – 4T Phòng B7-KSP			
6	S			Triết học Mác – Lênin T. Phương – 4T Phòng A6-KSP	
	C				
7	S				
	C				

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2025 – 2026

Áp dụng từ ngày 15/9/2025

III. CÁC LỚP THUỘC KHOA NÔNG NGHIỆP VÀ THỦY SẢN

		17DNTTS1	17DNTTS2	17DNTCNC	17DBVMTTS + 17DBVTV +17DCNTY	18DNTTS	18DNTCNC	18DBVTV + 18DCNTY +18DKHMT
2	S					Chủ nghĩa XHKH Cô Kiều Trang – 3t	Tiếng Anh cơ bản 3 C Sang – 4t	Tiếng Anh căn bản 3 T. Bảo-4t
	C							
3	S						Chủ nghĩa XHKH Cô Kiều Trang – 3t	
	C							
4	S							
	C							
5	S	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam C. Kiều-4t				Tiếng Anh căn bản 3 C. An-4t		
	C		Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam C. Kiều-4t					
6	S			Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam C. Kiều-4t				CNXH khoa học C. Lệ-4t
	C							
7	S							
	C							

		19DBVTV-20 19DCNTY-22	19DNTCNC	19DNTTS1	19DNTTS2-30 19DKHMT-10
2	S				
	C			Triết học Mác – Lênin T. Phương 4t	
3	S			Tiếng Anh căn bản 1 C. Oanh-4t	Triết học Mác – Lênin T. Phương 4t
	C				
4	S				Tiếng Anh căn bản 1 T. Út – 4t
	C				
5	S		Tiếng Anh căn bản 1 C. Ý – 4t		
	C				
6	S	Tiếng Anh căn bản 1 C Hạnh-4t			
	C	Triết học Mác – Lênin T. Hiệp-4t (Ghép 2 lớp)			
7	S		Triết học Mác – Lênin T. Hiệp-4t		
	C				

THÔNG TIN GIẢNG VIÊN

TT	Họ và tên	Số điện thoại	Email	Ghi chú
I	Lãnh đạo Khoa			
1	Trương Thu Trang	0939.818269	tttrang@blu.edu.vn	Phó Trưởng khoa Phụ trách
II	Văn phòng Khoa			
2	Đỗ Chí Tâm	0845.505005	dctam@blu.edu.vn	
III	Bộ môn Lí luận chính trị			
3	Diệp Kiều Trang	0913.458.993	dktrang@blu.edu.vn	Trưởng BM
4	Sơn Thanh Thoảng	0945.971.185	stthoang@blu.edu.vn	
5	Trương Thị Kiều	0944.878527	ttkieu@blu.edu.vn	
6	Trần Tam Phương	0913806429	ttphuong@blu.edu.vn	
IV	Bộ môn Ngoại ngữ			
7	Nguyễn Ái Hoàng Châu	0918.480.131	nahchau@blu.edu.vn	Trưởng BM
8	Phạm Thanh Loan	0982.299.295	ptloan@blu.edu.vn	Phó Trưởng BM
9	Nguyễn Trúc An	0944.212.403	ntan@blu.edu.vn	
10	Nguyễn Hiếu Trung	0919.753.783	nhtrung@blu.edu.vn	
11	Tạ Thị Kim Oanh	0916.337.654	ttkoanh@blu.edu.vn	
12	Nguyễn Thị Sang	0919.747.633	ntsang@blu.edu.vn	
13	Võ Thị Ngọc Huyền	0945.762.545	vtnhuyen@blu.edu.vn	
14	Nguyễn Văn Út	0946.463.232	nvut@blu.edu.vn	
15	Ngô Ngọc Thảo	0943.288.579	nnthao@blu.edu.vn	
16	Liên Trọng Nghĩa	0835.575.799	ltnghia@blu.edu.vn	
17	Huỳnh Thị Út	0949.436.959	htut@blu.edu.vn	
18	Nguyễn Thanh Tòng	0917.548.248	nttong@blu.edu.vn	
19	Lê Minh Thoại	0939.239.765	lmthoi@blu.edu.vn	
20	Sâm Ngọc Khả Tú	0793.659.644	snktu@blu.edu.vn	
21	Trương Thị Như Ý	0972.996.939	ttny@blu.edu.vn	
22	Dương Thế Bảo	0776.514.675	dtbao@blu.edu.vn	
V	Bộ môn Việt Nam học			

TT	Họ và tên	Số điện thoại	Email	Ghi chú
23	Lê Kiều Nương	0974.277.402	lknuong@blu.edu.vn	Phó Trưởng BM Phụ trách
24	Dương Minh Ngọc	0919.434.845	dmngoc@blu.edu.vn	
25	Lưu Thị Liên	0914.967.349	ltlien@blu.edu.vn	
26	Lữ Thị Thuỳ Vân	0939.096.318	littvan@blu.edu.vn	
27	Võ Thị Diễm Phương	0973.647.503	vtdphuong@blu.edu.vn	
28	Phạm Thị Kiều Trân	0845.763.688	ptktran@blu.edu.vn	
29	Phan Việt Đua	0834.174.477	pvdua@blu.edu.vn	
30	Nguyễn Phước Hưng	0907.071.441	nphung@blu.edu.vn	
VI	GIẢNG VIÊN NGOÀI TRƯỜNG			
30	Tô Hoàng Hiệp	0913.631.977	hieptctbaclieu@gmail.com	Trưởng Chính trị tỉnh CM
31	Võ Minh Khang	0983.828.893		Trưởng Chính trị tỉnh CM
32	Nguyễn Tiến Phước	0913.039.797	tienphuoctct@yahoo.com.vn	Trưởng Chính trị tỉnh CM
33	Lê Ánh Tuyết	0949.228.039	leanhtuyetduk@gmail.com	Đảng ủy UBND tỉnh Cà Mau
34	Lê Cẩm Lệ	0918.053.290	lecamle.bl@gmail.com	Trưởng Chính trị tỉnh CM
35	Lê Minh Hiền	0916.121.714	lmhien76@gmail.com	Trưởng Chính trị tỉnh CM
36	Nguyễn Tuyết Hạnh	0986.164.098	nguyentuyethanhbl@gmail.com	TT GDTX và Hướng nghiệp BL
37	Lư Trung Dũng	0937.722.000	trungdungbaobl@mail.com	Báo và Phát thanh, Truyền hình Cà Mau